TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07/7/2021
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hưng.

2. Ông Hồ Xuân Giao.

Thư ký phiên tòa: Bà D Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2021/TLST - HNGĐ ngày 22/4/2021, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXX-ST ngày 18/6/2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Lương Thị Thanh Ng, sinh năm 1974.

Trú tại: Số 00 Ng, tổ dân phố 00, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973.

Trú tại: Số 00 Ng, tổ dân phố 00, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị Thanh Ng trình bày như sau:

Bà Ng và ông Nguyễn Văn D sống chung với nhau từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 24/12/2002 thì đăng ký kết hôn UBND xã E, thành phố B. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng sau khi làm nhà nên nợ nần nhưng ông D

không có trách với gia đình, lại còn suốt ngày rượu chè về nhà chửi bới đánh đập bà Ng. Không chịu nổi việc bạo hành nói trên nên bà đã bỏ đi làm ăn hơn 02 năm. Tuy nhiên, khi về nhà ông D vẫn không thay đổi mà vẫn nhiều lần hăm dọa lấy dao đòi đâm bà. Đến 00 giờ 20 phút ngày 18/9/2020 ông D lại hành hung bà, lấy dao để trước cửa phòng bà và con gái. Lo sợ bị đánh nên hai mẹ con ngồi vào một góc lấy chăn trùm kín lại thì ông D đã nấu nước sôi tạt qua cửa vào trong phòng mục đích gây thương tích cho bà và con gái. Sau khi được mọi người đến can ngăn thì bà và con gái mới đi ra ngoài được. Do sợ nếu tiếp tục sống chung sẻ không đảm bảo nên từ đó đến nay bà và ông D sống ly thân nhau không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Ng nộp đơn đến Tòa án để xin được ly hôn ông Nguyễn Văn D.

+ Tại bản tự khai ngày 04/5/2021, tại các buổi làm việc trước đây và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông D thừa nhận lời trình bày của bà Ng về thời gian chung sống kết hôn, là đúng thực tế. Theo ông D thì nguyên nhân dẫn đến bà Ng nộp đơn ly hôn là do đặc thù của ông ban đầu làm nghề đánh cá ở hồ, nay ông làm nghề giết mổ gia súc nên thỉnh thoảng ông có uống vài chén rượu với bạn bè, khi về nhà nhiều khi vợ không đồng ý nên vợ chồng có cãi nhau, thỉnh thoảng không làm chủ được bản ông có hù dọa đòi đánh vợ, có lần ông đi làm về thấy vợ không ngủ ở phòng của vợ chồng mà ngủ ở phòng ở phòng con gái. Ông có kêu vợ về phòng mình nhưng vợ không chịu nên ông có nấu nước sôi hù hắt vào phòng con gái để vợ về phòng mình. Sau đó vợ ông mở cửa ra rồi bỏ nhà đi từ tháng 9/2020 đến nay. Ngoài ra trước đó vợ ông cũng có lần bỏ nhà đi Trung Quốc hơn 02 năm mà không rõ lý do. Nay bà Ng nộp đơn xin ly hôn, nguyện vọng của ông là hiện nay ông vẫn còn tình cảm với vợ nên ông D mong Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ gia đình để chăm lo cho con cái.

- Về con chung: Hai đương sự xác nhận: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 02 người con là:

1/ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997;

2/ Chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 2000.

Nguyện vọng của bà Ng và ông D về con chung là hiện nay các con đã lớn các con tự quyết định cuộc sống riêng của mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lương Thị Thanh Ng và ông Nguyễn Văn D có nguyện vọng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Lương Thị Thanh Ng vẫn giữ quan điểm đề nghị HĐXX cho bà ly hôn ông Nguyễn Văn D. Về con chung: Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên quan điểm xin đoàn tụ gia đình. Về con chung: Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 203, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lương Thị Thanh Ng.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lương Thị Thanh Ng ly hôn ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Hiện nay hai con của ông D, bà Ng là anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997; Chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 2000 hiện nay đã thành niên, anh Đ, chị M có quyền tự quyết định cuộc sống riêng của mình, nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lương Thị Thanh Ng, ông Nguyễn Văn D không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến Đ diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lương Thị Thanh Ng, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Lương Thị Thanh Ng khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn D cư trú tại phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Thanh Ng và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 1996, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố B ngày 24/12/2002. Như vậy, hôn nhân của bà Ng ông D là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn bà Ng ông D chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xô xát lẫn nhau. Từ những khúc mắc, mâu thuẫn ban đầu nhưng ông bà không tự dàn xếp được dẫn đến mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Đến tháng 9 năm 2020 thì bà Ng và ông D sống ly thân nhau từ đó đến đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Mặc dù trong quá rình giải quyết vụ cũng như tại phiên tòa ông D vẫn có nguyện vọng xin được đoàn tụ gia đình. Song, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của ông D tại các buổi làm việc trước đây và tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn D thừa nhận bản thân anh có đánh đập bà Ng, có lần ông còn tạt nước sôi vào phòng của con gái trong khi đó bà Ng và con gái ông là chị M đang ở trong phòng. Mặt khác, kết quả xác minh tại địa phương phường E thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, ông D có uống rượu về gây gỗ trong gia đình, vợ chồng đã ly thân nhau, bà Ng bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa bà Ng và ông D không có hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên việc ông Nguyễn Văn D xin đoàn tụ gia đình là không có căn cứ để chấp nhận. Do vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho bà Ng được ly hôn ông Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Ng, ông D có 02 người con chung là anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997; chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 2000 hiện nay anh Đ, chị M đã thành niên nên anh chị có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tà sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lương Thị Thanh Ng, ông Nguyễn Văn D không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lương Thị Thanh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Xét quan điểm của của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình .

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lương Thị Thanh Ng.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lương Thị Thanh Ng ly hôn ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Hiện nay các con chung của bà Ng và ông D là anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997; chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 2000 đã thành niên, anh chị có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lương Thị Thanh Ng, ông Nguyễn Văn D không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Lương Thị Thanh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60/2021AA/0003896, ngày 20/4/2021.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền